

Số: .../2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

Dự thảo 1

THÔNG TƯ

Quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định dán nhãn năng lượng đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật số 77/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Phương tiện được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Phương tiện tạm nhập tái xuất; quá cảnh, chuyển khẩu; của ngoại giao, lãnh sự;

c) Phương tiện nhập khẩu không vì mục đích kinh doanh;

d) Phương tiện nhập khẩu theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ;

- đ) Phương tiện đã qua sử dụng nhập khẩu;
- e) Phương tiện sản xuất, lắp ráp từ phương tiện đã được dán nhãn năng lượng;
- g) Phương tiện được sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sản xuất lắp ráp, nhập khẩu, phân phối, kinh doanh phương tiện thuộc quản lý của Bộ Xây dựng bao gồm cả trên nền tảng thương mại điện tử.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở thử nghiệm* là:
 - a) Phòng thử nghiệm hiệu suất, tiêu thụ năng lượng được quy định tại Điều 20 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ...tháng ... năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
 - b) Cơ sở thử nghiệm về tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới theo quy định của pháp luật về Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
2. *Cơ sở thử nghiệm nước ngoài* là tổ chức thử nghiệm chuyên ngành hoặc tổ chức dịch vụ kỹ thuật thuộc danh sách niêm yết của nước thành viên tham gia điều ước quốc tế liên quan đến phương tiện mà Việt Nam là thành viên;
3. *Báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng* là một trong hai loại tài liệu sau:
 - a) Kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng của cơ sở thử nghiệm đối với phương tiện mẫu;
 - b) Tài liệu của cơ sở thử nghiệm trong đó có xác nhận Báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng do cơ sở thử nghiệm nước ngoài cấp phù hợp với quy định của pháp luật.
4. *Người nhập khẩu* là tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu phương tiện theo quy định của pháp luật;
5. *Cơ sở sản xuất* là tổ chức thực hiện việc sản xuất, lắp ráp phương tiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 4. Quy định chung về dán nhãn năng lượng

1. Phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phải được dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường.

2. Khuyến khích người nhập khẩu, cơ sở sản xuất thực hiện việc đăng ký dán nhãn năng lượng đối với các loại phương tiện không thuộc đối tượng nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp kiểu loại phương tiện đáp ứng được điều kiện mở rộng việc thừa nhận kết quả thử nghiệm khí thải quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với kiểu loại phương tiện đã thực hiện thử nghiệm khí thải, mức tiêu thụ năng lượng, người nhập khẩu, cơ sở sản xuất được phép sử dụng báo cáo kết quả thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng được cấp cho phương tiện cùng kiểu loại nêu trên để làm thủ tục chứng nhận mà không phải thử nghiệm lại mức tiêu thụ năng lượng.

Điều 5. Danh mục phương tiện phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện

1. Danh mục phương tiện phải dán nhãn năng lượng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Lộ trình thực hiện

Các phương tiện thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này phải dán nhãn năng lượng từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 6. Quy định về nội dung, quy cách nhãn năng lượng

Nội dung, quy cách nhãn năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Hướng dẫn, công bố về việc dán nhãn năng lượng

1. Người nhập khẩu, cơ sở sản xuất thực hiện việc đăng ký hồ sơ dán nhãn năng lượng theo quy định tại Khoản Điều Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ...tháng ... năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Người nhập khẩu, cơ sở sản xuất tự in nhãn năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và dán lên phương tiện trước khi đưa ra thị trường.

3. Mức tiêu thụ năng lượng in trên nhãn năng lượng phải phù hợp với Báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ năng lượng;

4. Đối với các phương tiện cùng sử dụng chung một Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ năng lượng thì người nhập khẩu, cơ sở sản xuất có thể công bố thông tin trên cùng một loại nhãn năng lượng.

5. Vị trí dán nhãn năng lượng

Nhãn năng lượng phải được dán ở bên trong cửa kính bên cố định phía sau hoặc kính chắn gió phía sau, tại vị trí dễ quan sát nhìn từ bên ngoài xe. Đối với trường hợp xe không có cả kính bên và kính chắn gió hoặc trường hợp khó quan sát khi dán bên trong xe thì được phép dán bên ngoài xe tại vị trí dễ quan sát.

Điều 8. Công nhận nhãn năng lượng của phương tiện nhập khẩu

Việc công nhận nhãn năng lượng của nước ngoài đối với phương tiện cơ giới nhập khẩu được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trường hợp thừa nhận và sử dụng nhãn năng lượng nước ngoài, người nhập khẩu có trách nhiệm dán bản dịch sang tiếng Việt vào vị trí sát với nhãn năng lượng của nước ngoài.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, phân phối, kinh doanh phương tiện

1. Tuân thủ việc đăng ký dán nhãn năng lượng và dán nhãn năng lượng cho phương tiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ...tháng ... năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Biểu mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tuân thủ việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền đối với việc thực hiện quy định của pháp luật về dán nhãn năng lượng phương tiện.

4. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc dán nhãn năng lượng trong thời gian 03 năm tính từ thời điểm dừng cung cấp kiểu loại phương tiện đó ra thị trường.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, phân phối, kinh doanh phương tiện và các đơn vị liên quan đến việc thực hiện thông tư này

2. Phối hợp với các đơn vị chức năng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về dán nhãn năng lượng phương tiện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Các nhãn năng lượng đã được in theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, ĐKVN

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

Phụ lục I

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN PHẢI DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

TT	Loại phương tiện
1	Ô tô con
2	Xe mô tô hai bánh
3	Xe gắn máy hai bánh

Phụ lục II

NỘI DUNG, QUY CÁCH NHÃN NĂNG LƯỢNG CỦA PHƯƠNG TIỆN

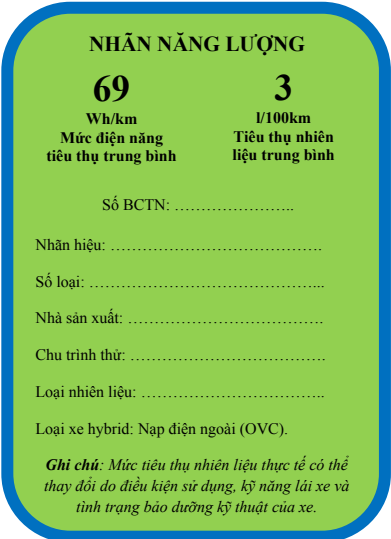
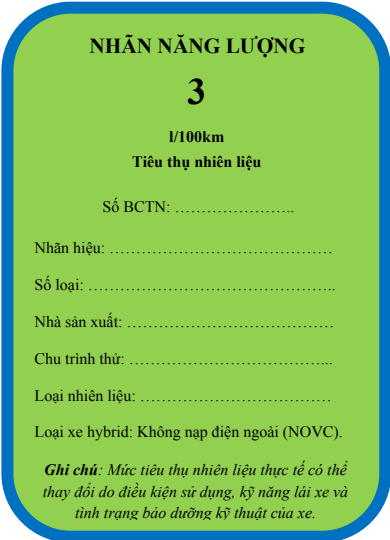
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGXD

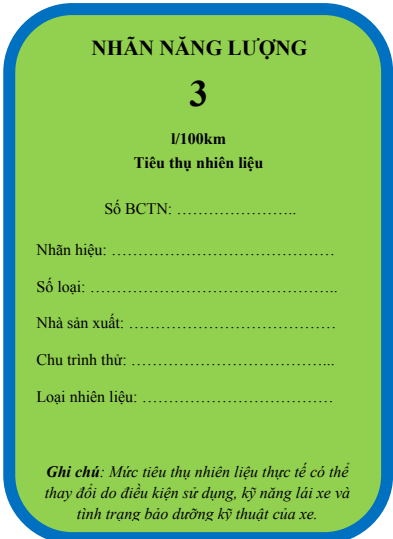
ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Loại phương tiện, thiết bị	Mẫu Nhãn năng lượng	Chú thích
1	Nhãn năng lượng của xe ô tô thuần điện	NHÃN NĂNG LƯỢNG Số BCTN: Nhãn Số hiệu: loại: 269 Wh/km Mức điện năng tiêu thụ <i>Ghi chú: mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 140mm x 80mm - Nền mẫu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.

2	Nhãn năng lượng của xe ô tô hybrid nạp điện ngoài	NHÃN NĂNG LƯỢNG Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: Loại xe hybrid: Nạp điện ngoài (OVC). 269 Wh/km Mức điện năng tiêu thụ trung bình 3 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu trung bình <i>Ghi chú: mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 140 mm x 80 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.
3	Nhãn năng lượng của xe ô tô hybrid không sạc điện ngoài (tự sạc điện (NOVC))	NHÃN NĂNG LƯỢNG Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: Loại xe hybrid: Tự sạc điện (NOVC) 10 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu trung bình <i>Ghi chú: mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 140 mm x 80 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.

4	Nhãn năng lượng của xe ô tô chỉ sử dụng động cơ đốt trong	NHÃN NĂNG LƯỢNG Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: 10 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu trung bình <i>Ghi chú: mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 140 mm x 80 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.
5	Nhãn năng lượng của xe mô tô, xe máy thuần điện	NHÃN NĂNG LƯỢNG 69 Wh/km Mức điện năng tiêu thụ Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: <i>Ghi chú: Mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 50 mm x 70 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.

6	Nhãn năng lượng của xe mô tô, xe máy hybrid nạp điện ngoài	 NHÃN NĂNG LƯỢNG 69 Wh/km Mức điện năng tiêu thụ trung bình 3 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu trung bình Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: Loại xe hybrid: Nạp điện ngoài (OVC). <i>Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 50 mm x 70 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.
7	Nhãn năng lượng của xe mô tô hybrid, xe máy không nạp điện ngoài	 NHÃN NĂNG LƯỢNG 3 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: Loại xe hybrid: Không nạp điện ngoài (NOVC). <i>Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	- Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 50 mm x 70 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phông chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.

8	Nhãn năng lượng của xe mô tô, xe máy chỉ sử dụng động cơ đốt trong	 NHÃN NĂNG LƯỢNG 3 l/100km Tiêu thụ nhiên liệu Số BCTN: Nhãn hiệu: Số loại: Nhà sản xuất: Chu trình thử: Loại nhiên liệu: <i>Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.</i>	Chú thích: - Nhãn hình chữ nhật được lượn tròn các góc; - Kích thước nhãn (Dài x Rộng): 50 mm x 70 mm; - Nền màu nhãn: Màu xanh lá cây nhạt; - Phong chữ: Times New Roman; - Màu chữ và số: Đen.
---	--	--	---

- Ghi chú: Nội dung trong mẫu nhãn năng lượng của phụ lục này là yêu cầu tối thiểu.

Phụ lục III

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BGXD
ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

TÊN CƠ SỞ SXLR, NK

Số: ... /...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

(Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

Tên Cơ sở SXLR/NK:

Địa chỉ:

Người đại diện (Ông/ Bà):

Điện thoại:

Fax: , Email:

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số/2025/TT-BGXD ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Cơ sở SXLR/NK xin được báo cáo việc dán nhãn năng lượng cho xe như phụ lục kèm theo./.

Người lập bảng báo cáo

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cơ sở sản xuất, lắp ráp/ nhập khẩu

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Số ... ngày ... tháng ... năm ...

1. Báo cáo số lượng các kiểu loại xe dán nhãn năng lượng (Số liệu theo chu kỳ 12 tháng)

[illegible]

2. Báo cáo về tiêu thụ năng lượng trung bình chung trong 01 năm của mỗi cơ sở SXLR và/hoặc NK:

Kiểu loại xe (Category)	Thông tin về kiểu loại xe									
	Số lượng xe SXLR và/hoặc NK (chiếc) (Number of SXLR and/or NK vehicles) (pcs) (1)	Mức tiêu thụ điện năng được thử nghiệm ^(c) (Electric energy consumption tested ^(c)) (Wh/km) (2)	Mức tiêu thụ nhiên liệu được thử nghiệm ^(d) (Fuel consumption tested ^(d)) (l/100km) (3)	Tổng tiêu thụ điện năng (Total electric energy Consumption) (Wh/km) (4) = (1) X (2)	Tổng tiêu thụ nhiên liệu (Total fuel consumption) (l/100km) (5) = (1) X (3)	Tiêu thụ điện năng trung bình chung (General average electric energy consumption) (Wh/km) (6)	Tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung (General average fuel consumption) (l/100km) (7)	Khối lượng bản thân (Kerb mass) (kg) (8)	Tổng khối lượng bản thân (Total kerb mass) (kg) (9) = (1) X (8)	Khối lượng bản thân trung bình chung (General average kerb mass) (kg) (10)
1										
2										
3										
4										
5										
6										
...										
Tổng hợp	Σ (1)			Σ (4)	Σ (5)	Σ (4)/ Σ (1)	Σ (5)/ Σ (1)		Σ (9)	Σ (9) /Σ (1)

Chú thích:

^(a) Xe thuần điện hoặc xe hybrid điện;

^(b) Áp dụng đối với xe hybrid điện và xe chỉ được dẫn động bằng động cơ đốt trong

^(c) Viết tắt của mức tiêu thụ điện năng trung bình được thử nghiệm;

^(d) Viết tắt của mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được thử nghiệm.